

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

V/v: tranh chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chủ** và bà Nguyễn Thị Kim Huyền.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thu Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị C, sinh năm 1974; Địa chỉ: H C, TT AT, AT, Hưng Yên

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 – Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; ĐKKHKT: NL, NT, AT, Hưng Yên

Hiện đang điều trị bệnh tâm thần tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên

Người giám hộ cho ông T: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003; Địa chỉ: H C, TT AT, AT, Hưng Yên (Là con gái của ông T)

Bà C, chị D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị C trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Bà C và ông T là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên vào ngày 17/5/1997. Sau khi kết hôn bà về sống cùng ông T tại thôn Nhân Lý, xã Nguyễn Trãi, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2004 ông T phát bệnh tâm thần, từ năm 2008 ông T bị bệnh tâm thần phân liệt nặng nên đã điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên cho đến nay và bà cũng đã không sống cùng ông T từ thời điểm đó. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ

chồng ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003. Cháu D đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thùy D - Người giám hộ của ông Nguyễn Văn T trình bày như sau: Chị là con gái của bà C và ông T, ông T đã có dấu hiệu bệnh tâm thần từ khi chị còn nhỏ, gia đình có đưa ông đi khám và điều trị ở nhiều nơi, hiện nay ông T vẫn bị tâm thần phân liệt mãn tính và đang điều trị tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên. Ngày 28/3/2025 Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã ra quyết định và tuyên bố ông T là người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chị là người giám hộ cho ông T. Bố mẹ chị chỉ có 01 người con chung là chị. Việc bà C có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, chị có biết. Về nguyên nhân dẫn đến việc bà C xin ly hôn ông T do đã từ lâu bà C phải chạy chữa bệnh cho ông T và nhiều năm nay không chung sống với nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn ông T để sớm được ổn định cuộc sống, sức khỏe, công việc. Chị đã trưởng thành nên không yêu cầu gì về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Nguyễn Trãi: Vợ chồng ông T, bà C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi vào ngày 17/5/1997. Ông T bị mắc bệnh tâm thần từ lâu và hiện vẫn đang điều trị tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên, bà C từ lâu không sinh sống tại địa phương, về con chung: Vợ chồng ông T, bà C có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa do **các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt**. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ **Về đường lối giải quyết:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia

đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

- + Về tình trạng hôn nhân: Xử cho bà C ly hôn ông T.
- + Về con chung: Có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003 đã thành niên tự lo được cuộc sống, nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị, nên không xem xét giải quyết.
- + Bà C phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lý Thị C và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều có đăng ký thường trú tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Ông T là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hiện đang điều trị tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên nên không thể tham gia tố tụng và người giám hộ của ông T là chị D. Bà C, chị D đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C, ông T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi vào ngày 17/5/1997. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà C, ông T là hợp pháp. Nay bà C có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, lời khai của các đương sự, xác minh của chính quyền địa phương thấy: Cả hai kết hôn tự nguyện vào ngày 17/5/1997 tại UBND xã Nguyễn Trãi. Thời gian chung sống không được nhiều, đến năm 2004 ông T phát bệnh tâm thần, từ năm 2008 ông T bị bệnh tâm thần phân liệt nặng nên đã điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên cho đến nay, hiện ông C bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và bà C cũng đã không sống cùng ông T từ thời điểm đó. Quá trình giải quyết vụ án, bà C xác định không còn tình cảm với ông T nữa, chị D là người giám hộ của ông T nhất trí để ông T, bà C ly hôn. Điều đó cho thấy, ông T, bà C không còn tình nghĩa vợ chồng, đã sống ly thân nhau thời gian dài, vì vậy mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của bà C đã là phù

hợp quy định của pháp luật và thực tế vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử cho bà C được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Bà C, ông T quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lý Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Bà C, ông T quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003, đã thành niên nên không xem xét.
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.
- Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001501 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Bà C đã nộp đủ.
- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái